

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2022/HS-ST**
Ngày 29/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tòa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thành Thái;**

2/ Ông **Lê Quốc Dũng.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

01/ **Huỳnh Văn T;** sinh năm 1972 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: 146/11 H, phường V, thành phố G, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Công B, sinh năm 1949 và bà Trương Thị K, sinh năm 1962; Vợ tên Phan Thị Châu L, sinh năm 1977 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

02/ **Trần Trường L,** sinh năm 1981 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh G; Nghề nghiệp: chạy đò; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ tên Võ Thị Xuân H, sinh năm 1979 và có 02 người con ruột, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt 03 tháng tù theo bản án số 63/2014/HS-PT. Đã được xóa án tích.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã D, huyện H, tỉnh G

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Võ Thị Xuân H**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh G.

2/ Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã C, huyện T, tỉnh G.

Hiện tạm trú: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 18/01/2022, lực lượng tuần tra của Phòng Cảnh sát đường thủy Công an tỉnh Kiên Giang tuần tra trên tuyến sông Cái Bé thuộc ấp H, xã P, huyện T, tỉnh G phát hiện Huỳnh Văn T sinh năm 1972 (*cu trú 180 C, phường T, thành phố G, tỉnh G*) và Trần Trường L sinh năm 1981 (*cu trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh G*) đang điều khiển võ máy trên sông có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện trên võ có 34 can nhựa loại 30 lít chứa dầu. T và L khai nhận dầu trong can là lấy trộm trên ghe tải Tú Lan số hiệu KG90986TS.

Quá trình điều tra, đã xác định được như sau: Lê Văn L, sinh năm 1973 (*trú tại tổ 7, ấp V, xã T, huyện R, tỉnh G*) và Huỳnh Văn T, sinh năm 1972 (*cu trú 180 C, phường T, thành phố G, tỉnh G*) cùng làm thuê cho ghe tải Tú Lan do anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1978 (*trú tại ấp P, xã D, huyện H, tỉnh G*) làm chủ. Nhiệm vụ của T là tài cai, trực tiếp quản lý máy móc, dầu nhớt trên tàu, còn L thì trông coi tài sản trên tàu.

Vào khoảng tháng 10/2021, T nhận tiền của ngư phủ gửi về cho gia đình là 24.300.000 đồng nhưng làm mất, nên Trung nói với L lấy trộm dầu trên ghe bán lấy tiền bù vào. T nói bán được sẽ chia tiền cho L nên L đồng ý.

Sau đó, T biết được Trần Trường L, sinh năm 1981 (*cu trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh G*) là người mua dầu nhớt cũ trên sông, nên T hỏi L có mua dầu mới không thì L nói mua. T giới thiệu, T là tài cai trên tàu, dầu dư nên đem bán; lúc này, L biết T không phải chủ tàu, T lấy trộm dầu đem bán. L lưu lại số điện thoại của T là 0944101143; T cũng lưu lại số điện thoại của L là 0854100092 để liên lạc. Sau đó, khoảng 10 ngày (*không nhớ cụ thể ngày, nhưng trong tháng 10/2021*), T gọi điện cho L, kêu L khoảng 19 giờ chạy đến chỗ ghe tải Tú Lan đậu gần nhà máy nước đá P thuộc ấp N, xã A, huyện T, tỉnh G để lấy trộm dầu. Lúc này, L lấy võ máy và mang theo 29 can nhựa loại 30 lít để chứa dầu đến gặp T. T và L thỏa thuận giá là

280.000 đồng/can nhựa 30 lít dầu DO 0.05S-II mới. T dùng mô- tơ bom dầu từ bồn chứa, L cầm ống dẫn dầu đưa xuống võ cho L để L dẫn dầu vào các can đã chuẩn bị sẵn. Sau khi đưa ống dẫn dầu cho L xong, L ngồi trên ghe để cảnh giới. Sau khi bom đầy 29 can nhựa thì nghỉ. L đưa cho T 3.500.000 đồng để đưa cho L. T và L thỏa thuận khi nào L bán được dầu sẽ trả đủ cho T. Sau đó, L đem bán dầu cho những ghe tàu trên sông, tổng số 870 lít dầu, mỗi lít thu lời lãi được 50.000 đồng. L đã trả cho T 8.120.000 đồng, L thu lợi được 1.450.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 02-03 tuần, T gọi điện thoại cho L để bán dầu. L cũng điều khiển võ máy đến chỗ ghe tải Tú Lan như lần trước, T, L và L lấy trộm được 28 can nhựa, tổng cộng 840 lít dầu DO 0.05S-II. L được T chia 3.500.000 đồng. L thu lợi được 1.400.000 đồng. T nhận được 4.340.000 đồng.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 02 tuần (trong tháng 11/2021), tương tự như hai lần trước, T, L và L tiếp tục lấy trộm của ghe Tú Lan được 29 can nhựa dầu DO 0.05S-II, tổng cộng là 870 lít. L được T chia 3.500.000 đồng. L sau khi bán hết dầu, trả cho T 4.620.000 đồng, L thu lợi 1.450.000 đồng.

Lần thứ tư: Cách lần thứ ba khoảng 02 tuần (trong tháng 11/2021), lần này T, L và L lấy trộm của ghe Tú Lan được 29 can nhựa dầu DO 0.05S-II, tổng cộng là 870 lít. L được T chia 3.500.000 đồng. L sau khi bán hết dầu, trả cho T 4.620.000 đồng, L thu lợi 1.450.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng 19 giờ ngày 18/01/2022, L, T, L đã lấy trộm của ghe tải Tú Lan 34 can nhựa dầu DO 0.05S-II, trong đó có 24 can loại 30 lít và 10 can loại 60 lít, tổng cộng là 1.424,2 lít. L đưa cho T 3.500.000 đồng, T đưa cho L. Đến 20 giờ cùng ngày, L và T chạy võ máy về hướng nhà của L, chạy được một đoạn thì bị lực lượng cảnh sát đường thủy tuần tra phát hiện nên mời về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, T, L và L thừa nhận hành vi lấy trộm dầu trên ghe tải Tú Lan như đã nêu trên.

Đến ngày 24/10/2022, Lê Văn L đã chết, nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã đình chỉ vụ án đối với bị can Lê Văn L.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 15/02/2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: 1.420,2 lít dầu DO 0.05S-II tại thời điểm xâm hại trị giá **25.535.906 đồng**.

Tại Bản Kết luận giám định số 388/KL-HĐĐGTS, ngày 06/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: “*Chất lỏng chứa trong 01 (một) chai bằng nhựa màu trắng được niêm phong gửi giám định là dầu (dầu nhiên liệu)*”.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS, ngày 16/9/2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: 1.710 lít dầu DO 0.05S-II tại thời điểm xâm hại (tháng 10/2021) trị giá **30.258.450 đồng**; 1.740 lít dầu DO 0.05S-II tại thời điểm xâm hại (tháng 11/2021) trị giá **31.433.220 đồng**.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đồng thời, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại và tự thú về những lần phạm tội trước đó.

*** Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ vật chứng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO RENO2, màu trắng xanh, số Imel1:863850149454871, số Imel2:63851049454863 và 01 (một) thẻ sim số 0944101143. Đây là chiếc điện thoại và sim của Huỳnh Văn T, nhiều lần dùng để liên lạc với L thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng có liên quan đến vụ án.

- 01 (một) võ bằng gỗ dài 10,45 mét, rộng 1,5 mét, sâu 70 cm, sơn màu xanh và 01 máy dầu D12, số hiệu 104176. Đây là phương tiện L dùng để chở dầu trộm được đem đi bán trên sông. Đây là tài sản chung của vợ chồng L và vợ là bà Võ Thị Xuân H.

- 24 can nhựa loại 30 lít của Lâm và 10 can nhựa loại 60 lít, L mượn của bà Phạm Thị P.

- Tiền Việt Nam: 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Trần Trường L nộp khắc phục hậu quả cho bị hại.

Đối với chiếc điện thoại và sim L dùng để liên lạc với T để trộm dầu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không thu giữ được do bị cáo khai đã rơi xuống sông.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị cáo Huỳnh Văn T và Lê Văn L đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm đối với T và L. Ngoài ra, Trần Trường L tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 5.750.000 đồng và bị hại đồng ý nhận số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT-VKS-CT ngày 20/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo **Huỳnh Văn T và Trần Trường L** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo **Huỳnh Văn T** và **Trần Trường L** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn T** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

2/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Trường L** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu sung quỹ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO RENO2, màu trắng xanh, số Imel1:863850149454871, số Imel2:63851049454863 và 24 can nhựa loại 30 lít của Lâm và 10 can nhựa loại 60 lít, Lâm mượn của bà Phạm Thị P

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim số 0944101143.

- Trả lại 01 (một) võ bằng gỗ dài 10,45 mét, rộng 1,5 mét, sâu 70 cm, sơn màu xanh và 01 máy dầu D12, số hiệu 104176. Đây là phương tiện Lâm dùng để chở dầu trộm được đem đi bán trên sông. Đây là tài sản chung của vợ chồng L và vợ là bà Võ Thị Xuân H vì đây là phương tiện sinh sống của gia đình, H không biết việc L lấy trộm dầu.

- Trả lại cho bị hại số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Trần Trường L nộp khắc phục hậu quả cho bị hại.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Huỳnh Văn T là tài cải trên tàu tải Tú Lan, Lê Văn L là người được thuê trong giữ tài sản trên tàu. Vào khoảng tháng 10/2021, T nói với L về việc lấy trộm dầu trên tàu để bán kiếm tiền tiêu xài. T nói sẽ chia cho L nên L đồng ý. T biết Trần Trường L là người mua dầu đã qua sử dụng trên sông, nên T đã liên hệ với L để bán dầu mới cho L loại dầu DO 0.05S-II. Lúc này, L biết T lấy trộm dầu của chủ tàu đem bán. T đã nhiều lần điện thoại cho L kêu L đến ghe tải Tú Lan đậu gần nhà máy nước đá P thuộc ấp N, xã A, huyện T, tỉnh G để lấy trộm dầu đem bán. T là người khởi xướng, rủ rê L trộm dầu của chủ ghe. L biết T trộm dầu đem bán nhưng đồng ý mua và cùng thực hiện việc bơm dầu từ bồn chứa đem đi tiêu thụ. T và L thỏa thuận giá bán là 280.000 đồng/can 30 lít. T là người dùng mo-tor bơm dầu từ bồn chứa, L kéo ống dẫn dầu xuống võ cho L đưa vào các can nhựa L đã chuẩn bị sẵn, sau đó, L ngồi trên ghe cảnh giới cho L và T bơm dầu. Sau khi bơm dầu đầy các can, L đưa cho Trung 3.500.000 đồng để đưa cho L. Số tiền còn lại, L đem bán dầu xong sẽ trả đủ cho T.

Từ tháng 10/2021 đến ngày 18/01/2022, T, L và L đã cùng thực hiện hành vi trộm dầu của tàu tải Tú Lan 05 lần, tổng cộng là 4.874,2 lít dầu DO 0.05S-II. Kết luận định giá, giá dầu tại thời điểm xâm hại, tổng trị giá là 87.227.576 đồng.

Đối chiếu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ... c) **Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;...**”.

Như vậy, hành vi lén lút lấy tài sản có giá trị 87.227.576 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người trưởng thành nên nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi sai trái và khi trộm nếu bị phát hiện sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra, nhưng với bản tính tham lam, chạy lười lao động và muốn hưởng thụ tài sản của người khác mà có bị cáo vẫn cố ý lén lút lấy trộm dầu của người bị hại để bán lấy tiêu xài cho bản thân.

Riêng bản thân của bị cáo L vào năm 2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đáng lẽ ra sau khi chấp hành án

xong bị cáo phải biết tìm ăn năn tìm việc làm chân chính, khắc phục sai lầm của bản thân để làm lại cuộc đời nhưng bị cáo lại tiếp tục con đường phạm tội để chịu sự nghiêm trị của pháp luật như hiện nay.

Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho nhân dân. Do đó, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo có tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đồng thời, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại và tự thú về những lần phạm tội trước đó; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế; Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình; Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật để xem xét hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình là có căn cứ, đúng pháp luật đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

7.1. Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO RENO2, màu trắng xanh, số Imel1:863850149454871, số Imel2:63851049454863. Đây là chiếc điện thoại của Huỳnh Văn T, nhiều lần dùng để liên lạc với L thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng có liên quan đến vụ án và 24 can nhựa loại 30 lít của L và 10 can nhựa loại 60 lít L mượn của bà Phạm Thị P. Bà P không yêu cầu nhận lại nên cần xử tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp theo quy định pháp luật.

7.2. Đối với 01 (một) võ bằng gỗ dài 10,45 mét, rộng 1,5 mét, sâu 70 cm, sơn màu xanh và 01 máy dầu D12, số hiệu 104176. Đây là phương tiện Lâm dùng để chở dầu trộm được đem đi bán trên sông. Đây là tài sản chung của vợ chồng L và vợ là bà Võ Thị Xuân H. Xét thấy đây là phương tiện sinh sống của gia đình, H không biết việc L lấy trộm dầu nên cần trả lại cho bà H là phù hợp.

7.3. Đối với số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Trần Trường L nộp khắc phục hậu quả cho bị hại nên cần trả cho bị hại là phù hợp.

7.4 Đối với 01 (một) thẻ sim số 0944101143 Lâm dùng để liên lạc với L thực hiện hành vi phạm tội đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch tiêu hủy là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Huỳnh Văn T và Lê Văn L đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại xong số tiền là 50.000.000đ.

Trong quá trình điều tra bị cáo Trần Trường L tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 5.750.000 đồng, bị hại đồng ý nhận và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX ghi nhận tự nguyện thỏa thuận này để xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Trường L** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo **Trần Trường L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO RENO2, màu trắng xanh, số Imel1:863850149454871, số Imel2:63851049454863 và 24 can nhựa loại 30 lít của Lâm và 10 can nhựa loại 60 lít, L mượn của bà Phạm Thị P.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thẻ sim số 0944101143;

- Trả lại cho bà Võ Thị Xuân H 01 (một) võ bằng gỗ dài 10,45 mét, rộng 1,5 mét, sâu 70 cm, sơn màu xanh và 01 máy dầu D12, số hiệu 104176.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo L và bị hại, buộc bị cáo L bồi thường cho bị hại số tiền 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm

mười nghìn đồng), bị cáo được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành ngày 18/10/2022.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 49/QĐ-VKSCT ngày 20/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bị cáo Huỳnh Văn T và Trần Trường L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu HS.

Nguyễn Thanh Phong